

Số: 42/2019/QĐST-HNGĐ

C, ngày 12 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 41/2019/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H – Sinh năm 1988.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn S - Sinh năm 1979.

Cùng cư trú tại: Xóm Qu , xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Địa chỉ: Số 2 – Láng Hạ - Ba Đình – Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức M – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C, địa chỉ: Khu 2 – TT C – C – Hòa Bình (*Tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền số 126/NHNoCP – GD ngày 27/5/2019 của Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C*)

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 59 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn S thuận tình ly hôn.

2.2. *Về con chung:* Thỏa thuận giao cháu Bùi Thiên H sinh ngày 26/4/2009 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, giao cháu Bùi Đức Th sinh ngày 30/9/2012 cho anh Bùi Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Các bên chưa đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.3. *Về tài sản chung:* Các đương sự tự nguyện thỏa thuận về việc chia tài sản chung và đề nghị Tòa án ghi nhận, cụ thể như sau:

Anh Bùi Văn S được toàn quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt tài sản chung là một ngôi nhà hai tầng được xây dựng năm 2017 tại địa chỉ xóm Q, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình cùng toàn bộ tài sản trong nhà. Chị Bùi Thị H không lấy bất cứ thứ gì

2.4. Về công nợ chung:

Anh Bùi Văn S có trách nhiệm trả cho Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C số tiền nợ gốc là 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) và lãi suất phát sinh theo quy định. Chị Bùi Thị H không phải trả

2.5. *Về án phí:* Chị Bùi Thị H tự nguyện nộp 150.000đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001022 ngày 27/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trả lại cho chị Bùi Thị H số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C theo biên lai số 0001022 ngày 27/5/2019.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình.
- Đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS C;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.M

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà

